

Bản án số: 61/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/4/2024

V/v tranh chấp
Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẬP - TỈNH PHÚ THỌ

-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đức Thiệu;
2. Ông Thẩm Văn Minh.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Hà Giang - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Việt Trì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lập tham gia phiên toà: Ông Hoàng Liên Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:*Chị Đinh Thị Hương T, sinh năm 1989

*- Bị đơn:*Anh Th, sinh năm 1980

Địa chỉ: đều ở khu Q, xã N, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Th có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ghi ngày 29/02/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Tòa án nguyên đơn trình bày: Chị và anh Th tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 18/12/2006 tại UBND xã Điều Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng bố, mẹ đẻ anh Th tại xã Thượng Long, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ được khoảng 01 năm sau đó vợ chồng ra ở riêng tại Khu Q, xã N, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, đến đầu năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, anh Th có mối quan hệ với người phụ nữ khác, không chung thủy với vợ, không quan tâm đến chị và gia đình,

gia đình hai bên đã khuyên bảo nhưng anh Th không thay đổi. Đầu năm 2020, vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th để ổn định cuộc sống.

Tại bản tự khai ngày 12/7/2024, bị đơn anh Th trình bày: Anh và chị T tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 18/12/2006 tại UBND xã Điều Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng bố, mẹ đẻ anh Th tại xã Thượng Long, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ được khoảng 01 năm sau đó vợ chồng ra ở riêng tại Khu Quang Tiến 2, xã Ngọc Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, đến đầu năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, Chị T có biểu hiện quan hệ với người khác, không có trách nhiệm với chồng con, tuy đã được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng chị T không thay đổi. Đầu năm 2021, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chịu Thuyết xin ly hôn anh Th không đồng ý vì con còn nhỏ cần có cả bố và mẹ chăm sóc.

- *Về con chung*: Hai bên trình bày vợ chồng có 02 con chung là Hà Khánh L, sinh ngày 14/4/2007 và Hà Đình Anh Đ, sinh ngày 14/10/2010, hiện tại ở với anh Th. Ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con. Còn anh Th cũng xin được nuôi cả 02 con chung và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản và công sức*: Chị T, anh Th không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án như sau: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị T được ly hôn anh Th; Về con chung giao cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Th cho cháu L số tiền 1.800.000 đồng/tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng. Về án phí: Chị Hương phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, lời khai của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: Tranh chấp giữa chị Đình Thị Hương T và anh Th là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*”. Bị đơn là anh Th có nơi cư trú tại xã Ngọc

Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, nên Tòa án không tiến hành hòa giải theo khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Xét yêu cầu khởi kiện của chị T về việc xin ly hôn anh Th thấy rằng:* Hôn nhân giữa chị T và anh Th đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đó là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án hai bên đều thừa nhận có mâu thuẫn bất đồng, nên không phải chứng minh, hai bên đều trình bày vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Qua xác minh tại địa phương xã Ngọc Lập nơi 2 người cư trú đã cho biết cuộc sống hôn nhân giữa chị T, anh Th có xảy ra mâu thuẫn bất đồng có báo công an xã đề hòa giải ở khu nhưng hai bên không khắc phục được mâu thuẫn, hiện chị T đã về nhà bố mẹ để sinh sống, vợ chồng sống ly thân, đến nay chị T xin ly hôn anh Th đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn của chị T và anh Th đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại trên thực tế, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị T xin ly hôn anh Th là phù hợp với thực trạng chung sống của vợ chồng; Còn việc anh Th xin đoàn tụ chỉ vì không muốn các con còn nhỏ cần sự chăm sóc của cả bố và mẹ, nhưng không quan tâm chăm sóc chỉ T, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn của vợ chồng nên việc anh Th xin đoàn tụ là không phù hợp với thực trạng quan hệ hôn nhân của hai người.

Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, 02 con chung của vợ chồng đều có ý kiến xin ở với anh Th; Anh Th trình bày từ khi vợ chồng ly thân năm 2021 hai con chủ yếu do anh chăm sóc nuôi dưỡng, nên giao con cho anh Th và chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Th cho cháu L là phù hợp.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Quá trình giải quyết hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn sơ thẩm và án phí của người cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đinh Thị Hương T được ly hôn anh Hà Phúc Thọ.

[2]. Về con chung: Giao cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Hà Khánh L, sinh ngày 14/4/2007 và Hà Đình Anh Đ, sinh ngày 14/10/2010; Đinh Thị Hương T có nghĩa vụ cấp dưỡng cùng anh Th cho cháu L mỗi tháng 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng) kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên; phung thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

Anh Th cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3]. Về án phí: Chị Đinh Thị Hương T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006433 ngày 01/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ. Chị T còn phải nộp số tiền án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Yên Lập;
- Chi cục THADS huyện Yên Lập;
- UBND xã Ngọc Lập;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lương Ngọc Dũng